

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05/01/2023
V/v: “Kiện ly hôn,
tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Lanh

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Hòa;
- Ông Hoàng Văn Ngân.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nhâm Đình Mạnh - Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Lào Cai.

Ngày 05/01/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 203/2022/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T - Sinh năm 1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.
Nơi ở hiện tại: Tổ 5, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Vắng mặt”

2. Bị đơn: Anh Phạm Xuân N - Sinh năm 1989

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.
Hiện đang chấp hành án tại: Đội 7, phân trại số 1, Trại giam Hồng Ca, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Xuân N tự nguyện tìm hiểu yêu thương và kết hôn với nhau ngày 10/11/2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do anh N là người chồng mãi chơi cờ bạc, thiếu trách nhiệm không chăm lo cho gia đình con cái vì vậy giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Không những thế anh N còn liên quan đến việc sử dụng trái phép chất ma túy bị Toà án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt 08 năm tù về tội tổ chức sử dụng trái

phép chất ma túy hiện đang cải tạo tại đội 7, phân trại số 1 Trại giam Hồng Ca, tỉnh Yên Bái. Đến nay chị Nguyễn Thị Thu T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Xuân N.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 13/01/2009 và cháu Phạm Khôi N, sinh ngày 08/4/2019 khi ly hôn chị Nguyễn Thị Thu T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/11/2022, bị đơn anh Phạm Xuân N khai: Anh Phạm Xuân N và chị Nguyễn Thị Thu T kết hôn với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Phạm Xuân N phải chấp hành án tại trại giam Hồng Ca. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh N nhất trí ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 13/01/2009 và cháu Phạm Khôi N, sinh ngày 08/4/2019 khi ly hôn anh Phạm Xuân N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được nuôi cả hai cháu, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Phạm Xuân N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại điều khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Xuân N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do anh N là người chồng mãi chơi cờ bạc, thiếu trách nhiệm không chăm lo cho gia đình con cái vì vậy giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Anh N bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt 08 năm tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy hiện đang cải tạo tại đội 7, phân

trại số 1 Trại giam Hồng Ca, tỉnh Yên Bái. Đến nay chị T xin ly hôn, anh N đồng ý ly hôn. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T với anh Phạm Xuân N

[2.2] Về con chung: Xét việc giao nuôi con thì thấy rằng chị Nguyễn Thị Thu T đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 13/01/2009 và cháu Phạm Khôi N, sinh ngày 08/4/2019 đến tuổi trưởng thành. Anh Phạm Xuân N cũng nhất trí để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu. Căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Quốc K và cháu Phạm Khôi N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Phạm Xuân N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Xuân N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Xuân N. Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Xuân N được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao Phạm Quốc K, sinh ngày 13/01/2009 và cháu Phạm Khôi N, sinh ngày 08/4/2019 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Phạm Xuân N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T. Anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001800 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai được trừ vào tiền án phí phải nộp.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu T, anh Phạm Xuân N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
 - VKSND tỉnh; TP
 - Các đương sự;
 - THADS;
 - UBND phường B, thành phố
- L, tỉnh Lào Cai
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Tuyết Lanh